

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020

Kính gửi:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-TCKH ngày /01/2021 của phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị ban hành báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020;

UBND huyện Trảng Bom báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020, cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện thu NSNN năm 2020:

Tổng thu NSNN trên địa bàn huyện năm 2020 (kể cả các nguồn thu tỉnh không giao dự toán) là: 2.506 tỷ 772 triệu đồng. Trong đó, các nguồn thu trong dự toán cân đối ngân sách là: 985 tỷ 526 triệu đồng, đạt 110,86% so NQ.HĐND huyện giao và bằng 99,55% so với cùng kỳ năm 2019.

So với NQ.HĐND huyện giao chỉ có 5/8 chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt so với dự toán được giao, đó là khoản thu thuế thu nhập cá nhân đạt 131,79%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 121%; thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 317,40%; thu khác ngân sách đạt 106,86%; thu tiền sử dụng đất đạt 167,62%. Riêng 03 khoản thu phí, lệ phí chỉ đạt 93,90%; thu thuế CTN-NQD (Huyện thu huyện hưởng) đạt 79,74% và thu lệ phí trước bạ đạt 90,50%.

Tổng thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là: 702 tỷ 113 triệu đồng, đạt 98,32% so với dự toán giao và bằng 90,44% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách huyện năm 2020:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 thực hiện là: 1.602 tỷ 460 triệu đồng, đạt 103,02% so NQ.HĐND huyện giao và tăng 19,48% so cùng kỳ năm 2019, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển là: 836,126 tỷ đồng (đã bao gồm cả phần thanh toán chi chuyển nguồn đầu tư XDCB năm 2019 chuyển sang năm 2020), tăng 28,10% so NQ.HĐND huyện và tăng 65,98% so cùng kỳ năm 2019. Nếu loại trừ khoản

thanh toán chi chuyển nguồn đầu tư XD CB năm 2019 chuyển sang năm 2020 thì chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn năm 2020 là 627,518 tỷ đồng, đạt 96,38% kế hoạch vốn, tăng 24,57% so cùng kỳ năm 2019.

- Chi thường xuyên là: 764,137 tỷ đồng, đạt 86,63% so NQ.HĐND huyện và bằng 96,51% so cùng kỳ năm 2019.

- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên là: 2,197 tỷ đồng, tăng 15,63% so NQ.HĐND huyện và bằng 4,81% so cùng kỳ năm 2019.

3. Tình hình cân đối chi ngân sách huyện năm 2020:

- Tổng nguồn thu cân đối ngân sách huyện là: 1.844 tỷ 358 triệu đồng, trong đó:

+ Thu cân đối ngân sách là: 719 tỷ 676 triệu đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh là: 456 tỷ 598 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang là: 401 tỷ 979 triệu đồng.

+ Thu kết dư năm 2019 chuyển sang là: 265 tỷ 408 triệu đồng.

- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên là: 697 triệu đồng.

- Tổng chi cân đối ngân sách huyện là: 1.602 tỷ 460 triệu đồng.

(Chi tiết số liệu có biểu số 93, 94, 95 đính kèm)

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Trảng Bom về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020. / *mm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Các PCT.UBND huyện
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã-thị trấn;
- Phòng Văn hóa thông tin (đăng tin trên trang thông tin điện tử của huyện);
- Lưu VT+TH (TCKH).

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM**

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 27 /BC-UBND ngày 18 / 01/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1.838.059	1.844.358	100,34%	91,40%
I	Thu cân đối NSNN	714.074	719.676	100,78%	90,44%
1	Thu nội địa	714.074	702.113	98,32%	90,44%
2	Thu huy động đóng góp		17.563		
II	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	456.598	456.598		
III	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	401.979	401.979		
IV	Thu kết dư ngân sách	265.408	265.408		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		697		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.555.512	1.602.460	103,02%	119,48%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.555.512	1.602.460	103,02%	119,48%
1	Chi đầu tư phát triển	652.696	836.126	128,10%	165,98%
2	Chi thường xuyên	882.112	764.137	86,63%	96,51%
3	Dự phòng ngân sách	18.804			
4	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	1.900	2.197	115,63%	4,81%
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRĂNG BOM

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 18/01/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN		2.506.772		
I	Thu nội địa	1.099.000	1.156.759	105,26%	95,21%
*	<i>Thu nội địa (không bao gồm khoản thu từ khu vực DNNN, thu từ DN có vốn đầu tư NN và khoản tính thu huyện hưởng)</i>	<i>889.000</i>	<i>985.526</i>	<i>110,86%</i>	<i>99,55%</i>
*	<i>Thu nội địa (không bao gồm khoản tính thu huyện hưởng, thu tiền sử dụng đất)</i>	<i>689.000</i>	<i>650.285</i>	<i>94,38%</i>	<i>87,81%</i>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		4.230		62,27%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		2.498		43,02%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	435.000	343.929	79,06%	79,43%
-	<i>Huyện thu huyện hưởng</i>	<i>225.000</i>	<i>179.424</i>	<i>79,74%</i>	<i>81,30%</i>
-	<i>Tỉnh thu huyện hưởng</i>	<i>210.000</i>	<i>164.505</i>	<i>78,34%</i>	<i>77,48%</i>
4	Thuế thu nhập cá nhân	94.000	123.887	131,79%	132,36%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	320.000	289.612	90,50%	80,33%
7	Thu phí, lệ phí	13.000	12.207	93,90%	102,97%
-	<i>Trung ương, Tỉnh thu</i>	<i>3.000</i>	<i>4.439</i>	<i>147,97%</i>	<i>126,65%</i>
-	<i>Huyện, xã thu</i>	<i>10.000</i>	<i>7.768</i>	<i>77,68%</i>	<i>93,03%</i>
8	Các khoản thu về nhà, đất	205.000	346.201	168,88%	321,62%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>2.500</i>	<i>3.025</i>	<i>121,00%</i>	<i>114,84%</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>200.000</i>	<i>335.241</i>	<i>167,62%</i>	<i>134,39%</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>2.500</i>	<i>7.935</i>	<i>317,40%</i>	<i>92,33%</i>
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
-	<i>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	32.000	34.195	106,86%	85,43%
-	<i>Trong cân đối</i>	<i>19.000</i>	<i>16.601</i>	<i>87,37%</i>	<i>66,64%</i>

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
-	<i>Ngoài cân đối</i>	13.000	17.594	135,34%	116,40%
II	Thu huy động	0	22.065		425,88%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	714.074	702.113	98,32%	90,44%
1	Từ các khoản thu phân chia	368.395	419.375	113,84%	106,37%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	345.679	282.738	81,79%	74,01%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 18/01/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.555.512	1.602.460	103,02%	119,48%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.555.512	1.602.460	103,02%	119,48%
I	Chi đầu tư phát triển	652.696	836.126	128,10%	165,98%
*	<i>Chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn</i>	<i>651.096</i>	<i>627.518</i>	<i>96,38%</i>	<i>124,57%</i>
1	Chi đầu tư cho các dự án (bao gồm cả khoản thanh toán chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang)	610.196	793.626	130,06%	257,54%
2	Chi đầu tư phát triển khác	42.500	42.500		
II	Chi thường xuyên	882.112	764.137	86,63%	96,51%
1	Chi an ninh	3.471	3.461	99,71%	62,51%
2	Chi quốc phòng	10.436	10.731	102,83%	85,89%
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	394.544	346.645	87,86%	97,30%
4	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	12.925	11.654	90,17%	123,19%
4	Chi văn hóa thông tin, thể thao, phát thanh truyền hình	10.439	9.487	90,88%	87,37%
7	Chi bảo vệ môi trường	42.293	34.129	80,70%	86,63%
8	Chi hoạt động kinh tế	86.243	58.077	67,34%	114,22%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	65.673	54.963	83,69%	89,23%
10	Chi bảo đảm xã hội	47.084	61.045	129,65%	134,94%
11	Chi khác	5.392	3.413	63,30%	9,82%
12	Chi bổ sung ngân sách xã	203.612	170.532	83,75%	125,06%
III	Dự phòng ngân sách	18.804			
IV	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	1.900	2.197	115,63%	4,81%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	0		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				